

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018, Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh, về thẩm quyền trong đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách Nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan Nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo Báo cáo thẩm định số 32/BC-SYT ngày 05/02/2017 của Sở Y tế, về đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 thuộc Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar tại Tờ trình số 33/TTr-BV ngày 25/01/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 thuộc Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh

mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về giá và danh mục mua sắm thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

Giao Sở Y tế có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar tổ chức thực hiện mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng tiến độ và quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo cung ứng thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu tại Phụ lục kèm theo Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT. (Y_12)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

H'Yim Kđoh

(Kèm theo Quyết định số **360** /QĐ-UBND ngày **09** /02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

PHỤ LỤC 2: GÓI THẦU MUA THUỐC CỔ TRUYỀN, THUỐC DƯỢC LIỆU THUỘC DANH MỤC THUỐC CẤP CƠ SỞ NĂM 2018

Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Ea Kar

(Kèm theo Quyết định số **360** /QĐ-UBND ngày **09** /02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Mã	STT TT05/TT 09	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	DY1002	2	Hoắc hương/ Quảng hoắc hương, Tía tô/ Từ tô điệp, Bạch chỉ, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	1		Viên; Uống	Viên	1.200	10.000	12.000.000
2	D1007	7	Actiso.	1	375 mg	Viên;uống	Viên	2.500	50.000	125.000.000
3	D2007	7	Actiso.	2	0,15g	Viên;uống	Viên	250	200.000	50.000.000
4	D1012	12	Actiso, Sài đất, Thương nhĩ tử, Kim ngân, Hạ khô thảo.	1		Uống, viên bao đường	viên	900	50.000	45.000.000
5	D1022	22	Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử.	1		Uống, viên bao đường	Viên	510	100.000	51.000.000
6	D1025	25	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	1		Uống, viên nang	Viên	1.680	15.000	25.200.000
7	D1027	27	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	1	10g	Uống, cốm	Gói/túi	4.620	80.000	369.600.000
8	D1035	35	Kim tiền thảo.	1	Cao khô Kim tiền thảo 280mg	Uống, viên nang	Viên	410	95.000	38.950.000
9	D1036	36	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Binh lang, Mộc hương, Đại hoàng.	1		Uống; Viên	Viên	1.260	200.000	252.000.000
10	D1037	37	Kim tiền thảo, Râu mèo/ Râu ngô.	1	2400mg + 1000mg	Uống, Viên nang	Viên	1.480	70.000	103.600.000
11	D1057	57	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Tần giao, Bạch thực, Ngưu tất, Sinh địa/Thục địa, Cam thảo, Đỗ trọng, Tế tân, Quế nhục, Nhân sâm/Đảng sâm, Đương quy, Xuyên khung.	1		Uống, viên	Viên	830	180.000	149.400.000
12	D1058	58	Độc hoạt, Quế chi/Quế nhục, Phòng phong, Đương quy, Tế tân (Dây đau xương), Xuyên khung, Tần giao, Bạch thực, Tang ký sinh, Sinh địa/Thục địa/Địa hoàng, Đỗ trọng, Ngưu tất, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, (Đảng sâm/Nhân sâm).	1	5 g	Viên hoàn ;Uống	Gói	4.000	50.000	200.000.000
13	D1065	65	Hy thiêm, Thiên niên kiện.	1	10g; 0,5g	Viên nang cứng	Viên	2.300	50.000	115.000.000

STT	Mã	STT TT05/TT 09	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
14	D1073	73	Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thực, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	1	5g	Uống, viên hoàn cứng	Gói/túi	4.900	200.000	980.000.000
15	D1079	79	Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sứ quân tử, Bán hạ.	1	100ml	Uống, Siro	Chai/lọ	28.000	1.500	42.000.000
16	D1080	80	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đảng, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thực, Cam thảo, Đảng sâm.	1	4g	Viên hoàn, uống	Gói/túi	4.000	30.000	120.000.000
17	D1082	82	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	1	9g	Uống, viên hoàn mềm	Viên	5.400	60.000	324.000.000
18	D2082	82	Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).	2	60ml	Siro; uống	Lọ/chai	40.990	5.000	204.950.000
19	D1097	97	Mật ong/Cao mật heo, Nghệ, (Trần bì).	1	250mg + 950mg	Uống, Viên	Viên	1.800	10.000	18.000.000
20	D1100	100	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thực/Bạch thực), (Ngô thù du).	1		Uống, viên nang	Viên	1.260	20.000	25.200.000
21	D1101	101	Nghệ vàng.	1	100 ml	Uống, thuốc nước	Chai/lọ	54.000	500	27.000.000
22	D2103(1)	103	Ngưu nhĩ phong, La liễu.	2	8g	Uống	Gói/túi	5.985	58.000	347.130.000
23	D1112	112	Sứ quân tử, Bình lang, Nhục đậu khấu, Lục thần khúc, Mạch nha, Hồ hoàng liên, Mộc hương.	1	9ml	Siro; Uống	Ống	5.500	25.000	137.500.000
24	D1117	117	Cao khô Trinh nữ hoàng cung.	1	500mg	Uống, Viên nang	viên	4.500	3.000	13.500.000
25	D1124	124	Đan sâm, Tam thất.	1		Uống, viên bao phim	Viên	693	10.000	6.930.000
26	D1131	131	Hoài sơn, Liên nhục, Liên tâm, Lá dâu, Lá vông, Bá tử nhân, Toan táo nhân, Long nhãn.	1		Uống, viên bao phim	Viên	1.260	70.000	88.200.000
27	D1135	135	Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).	1		Viên bao đường	viên	1.450	130.000	188.500.000
28	D1147	147	Bách bộ, Cát cánh, Mạch môn, Trần bì, Cam thảo, Bối mẫu, Bạch quả, Hạnh nhân, Ma hoàng.	1	90ml	Uống, cao lỏng	Chai/lọ	25.920	1.000	25.920.000

STT	Mã	STT TT05/TT 09	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
29	D1148	148	Bạch linh, Cát cánh, Tỳ bà diệp/Tỳ bà, Tang Bạch bì, Ma hoàng, Thiên môn đông/Mạch môn, Bạc hà/Lá bạc hà, Bán hạ chế, Bách bộ, Mơ muối/Ô mai, Cam thảo, Bạch phàn, Tinh dầu bạc hà/menthol, (Bàng sa).	1		Dung dịch uống	Chai/lọ 125 ml	35.000	1.500	52.500.000
30	D1150	150	Húng chanh, Núc nác, Cineol.	1	90ml	Siro;Uống	Chai/lọ	31.500	2.400	75.600.000
31	D1152	152	Ma hoàng, Bán hạ, Ngũ vị tử, Tỳ bà diệp, Cam thảo, Tế tân, Can khương, Hạnh nhân, Bối mẫu, Trần bì.	1	250ml	Uống, cao lỏng	Chai/lọ	69.500	500	34.750.000
32	D1158	158	Bách bộ, Tiễn hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Bạch linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, (Menthol)	1	90ml	Thuốc uống	Chai 90ml	23.100	1.000	23.100.000
33	D1161	161	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	1	4,5g	Viên hoàn mềm	Uống	3.000	50.000	150.000.000
34	D1161	161	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	1	Cao đặc hỗn hợp 296,8mg	Viên nang mềm, Uống	Uống	3.200	50.000	160.000.000
35	D1177	177	Đảng sâm, Thục địa, Quế, Ngũ gia bì, Đương qui, Xuyên khung, Long nhãn, Trần bì.	1	250ml	Uống	Chai/lọ	45.150	7.000	316.050.000
36	D1180	180	Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì.	1	10g	Uống, cốm	Gói/túi	3.780	60.000	226.800.000
37	D1181	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	1	200ml	Cao lỏng, uống	Chai/lọ	42.250	5.000	211.250.000
38	D1181	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	1	125ml	Uống, cao lỏng	Chai/lọ	43.800	5.000	219.000.000
39	D1181	181	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	1		Uống, viên bao đường	Viên	750	900.000	675.000.000
40	D1183	183	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược.	1		Uống	Viên	1.082	30.000	32.460.000
41	D1184	184	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỳ tử.	1		Uống, viên bao phim	Viên	1.200	30.000	36.000.000

STT	Mã	STT TT05/TT 09	Thành phần thuốc	Nhóm thuốc	Nồng độ/Hàm lượng	Đường dùng, Dạng bào chế	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
42	D1185	185	Huyết giác.	1	300mg (tương đương 2,4g Huyết giác)	Viên nén bao phim	Viên	1.800	20.000	36.000.000
43	D1186	186	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe/Rutin, (Bạch truat).	1		Uống, viên nang	Viên	830	5.000	4.150.000
44	D1199	199	Ich mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).	1	180ml	Uống, cao lỏng	Chai/lọ	31.500	500	15.750.000
45	D1213	213	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chi, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà, (Kim ngân hoa).	1		viên nang; Uống	Viên	830	10.000	8.300.000
46	D1217	217	Dầu gió các loại.	1	20.73g/25ml	Dùng ngoài, dầu xoa	Chai/Lọ	42.000	1.000	42.000.000
47	D1224	224	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiên), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Camphora, (Tế tân), (Riềng).	1	90ml	Dùng ngoài, cồn xoa	Chai/lọ	22.785	1.000	22.785.000
Tổng cộng: 47 khoản										6.427.075.000